

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/06/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+VSP02	7:25	18+4	0+0		14+8	0+0	
2		AMD+TD3+P6	7:25	15+5+2	0+0+0		13+3+6	0+0+0	
3		TD5+BK20+P11	7:25	16+2+0	0+0+0		17+0+4	0+0+0	
4		CLI+PPD+P9	9:25	17+5+0	0+0+0		4+12+6	0+0+0	
5		TC1+TD3	9:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
6		CTK3+GTCL+BK16	9:25	10+5+7	0+0+0		8+5+9	0+0+0	
7		TD2+RC5+CLI	11:25	2+1+17	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 4 td2-rc5
8		BK6+BK5+PPD	11:25	1+0+19	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 3 bk6-bk5
9		P8+BK8+CTK3	11:25	0+0+15	0+0+0		1+0+21	0+0+0	chuyen 4 p8-bk8

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 người p2 về đi bk6



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/06/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: PPD - VSP02	CREW: HUNG - NPhú - MQUÂN	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN VĂN THẮNG	PPD	98	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN QUY	PPD	91	1	10	48	60	KH-THAC	Vietnamese
3	TUÔNG ANH CAC	PPD	93	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN TÂN	PPD	94	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH HAI	PPD	92	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	LƯU VIỆT DŨNG	PPD	95	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH PHONG	PPD					100	KHI	Vietnamese
8	TRỊNH DŨNG	PPD					63	KHI	Vietnamese
9	MAI THI NHAT LAN	PPD					62	KHI	Vietnamese
10	GIANG XUÂN TIẾN	PPD					70	KHI	Vietnamese
11	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD					55	KHI	Vietnamese
12	HUYNH VĂN TRỌNG	PPD	84	1	5		70	KHI	Vietnamese
13	PHẠM VĂN HUY	PPD	89-90	2	10		70	MERMAID	Vietnamese
14	VŨ CHI KIẾN	PPD	85	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ANH TUẤN	PPD	97	1	15		60	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG VĂN SƠN	PPD	99	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC DU	PPD	96	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC VIỆT	PPD	900	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	TRIANDOFILIDI Y.I.	VSP02	53	1	4		100	KH-THAC	Russian
20	NGO ĐỨC HIỀN	VSP02	54	1	5	40	65	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI THỌ SƠN	VSP02	52	1	7		66	BA SON	Vietnamese
22	NGUYỄN TỔ THANH	VSP02					65	SHINTRAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	18	14	92	1.267	48	14		
2	VSP02	4	3	16	296	40	8		
TOTAL		22	17	108	1.563	88	22		
WEIGHT KG				108	1.563	88			

GRAND TOAL: 1.759 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/06/2023	TO: AMD - TD3 - P6	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: CHIẾN - ĐNam - Huy	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN NAM TRUNG	AMD	03-04	2	9	50	75	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC TAN	AMD	19	1	5		75	TLJOC	Vietnamese
3	HY TAC SANG	AMD	20-21	2	14		71	TLJOC	Vietnamese
4	TANG XUAN CHIN	AMD	07-08	2	12		63	HLJOC	Vietnamese
5	TRAN HAI NAM	AMD	14-15	2	16		61	HLJOC	Vietnamese
6	NGUYEN ANH DUY	AMD	02	1	9		58	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐO ĐỨC THỊNH	AMD	06	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NAM TRUNG	AMD	400	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN VINH	AMD	18	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN QUỐC VIỆT	AMD	01	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
11	TRƯƠNG LÊ ANH DUNG	AMD	05	1	15		92	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN THIN	AMD	22-23	2	17		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRAN QUỐC KHANG	AMD	12-13	2	20		72	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG ĐÌNH VINH	AMD	09-11	3	18		69	KH-THAC	Vietnamese
15	DƯƠNG PHÁT	AMD	16-17	2	18		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TUAN	TD3	01	1	8		56	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN BIÊN	TD3	05	1	3		61	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN CÔNG MINH	TD3	04	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN NGỌC TUÂN	TD3	03	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
20	BUI VĂN NGHĨA	TD3	02	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
21	CHERNIAVSKII D	P6	25	1	7	35	115	KH-THAC	Russian
22	NGUYEN NGOC HUNG	P6	50	1	6		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL			REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	15	24	175	1.063	50	13		
2	TD3	5	5	26	330	0	3		
3	P6	2	2	13	178	35	6		
TOTAL		22	31	214	1.571	85	22		
WEIGHT KG				214	1.571	85			

GRAND TOAL: 1.870 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/06/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: TD5 - BK20 - P11	CREW: Nam - M.Đức - N.Nam	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN DUY	TD5	53	1	9		69	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD5	43	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẶNG ĐÌNH THỌ	TD5	56	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
4	ĐINH ĐỨC KIẾN	TD5	54	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
5	ĐOÀN CAO DANH	TD5	49	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
6	BUI ĐỨC TOÀN	TD5	55	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
7	LUU THẾ ĐIỆN	TD5	52	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ HUY TIẾN HAI	TD5	44-45	2	10		76	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH TÚE	TD5	48	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
10	TÔ THANH HÙNG	TD5	51	1	5	75	55	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN MINH CÔNG	TD5	46	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN CAO KHÁNH	TD5	57	1	11		66	KHOAN	Vietnamese
13	ĐÀO QUANG MINH	TD5	50	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN PHÙNG QUẾ	TD5	47	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN CHIẾN	TD5					75	KHOAN	Vietnamese
16	HÀ THANH TÙNG	TD5	42	1	6		90	KHOAN	Vietnamese
17	PHAN VĂN CHUNG	BK20	03	1	9		75	ANTOAN	Vietnamese
18	ĐỖ CÔNG TIẾN	BK20	01-02,900	3	18		74	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	16	16	103	1.115	75	17		
2	BK20	2	4	27	149	0	0		
3	P11	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		18	20	130	1.264	75	21		
WEIGHT KG				130	1.264	75			

GRAND TOAL: 1.469 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/06/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	TO: CLI - PPD - P9	CREW: HÙNG - NPhú - MQUÂN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	FCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN LINH	CLI	80-81	2	9	40	49	YTE	Vietnamese
2	PHAN CHÍNH TÀI	CLI	78,76	2	7	31	75	NIPI	Vietnamese
3	TRẦN THANH CÂN	CLI	88	1	7		77	NIPI	Vietnamese
4	TRƯƠNG HIỀN	CLI	85	1	8		86	KH-THAC	Vietnamese
5	DOKUCHAEV V	CLI	96	1	15		100	KH-THAC	Russian
6	TRỊNH LÊ TUÂN	CLI	93	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ MINH TIỀN	CLI	79	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	CLI	86	1	4		98	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT HÒA	CLI	91	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN ANH VIỆT	CLI	82	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN HỮU DƯƠNG	CLI	90	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN DỰ	CLI	89	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN KHÁNH	CLI	92	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC SƠN	CLI	94	1	4		81	KH-THAC	Vietnamese
15	HUYNH TRỌNG KIM	CLI	95	1	15		79	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG NGẠN	CLI	87	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
17	MAI PHÚC LINH	CLI	97-98	2	15		79	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN GIANG	PPD	18	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
19	TÔ HIỀN THANH	PPD	19	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	16	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
21	TRƯƠNG TUÂN HÙNG	PPD	17	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	PPD	20	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	17	20	129	1.302	71	4		
2	PPD	5	5	30	314	0	12		
3	P9	0	0	0	0	40	6		
TOTAL		22	25	159	1.616	111	22		
WEIGHT KG				159	1.616	111			

GRAND TOAL: 1.886 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/06/2023	TO: TTC1 - TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: CHIẾN - ĐNam - Huy	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOMARITSKIKH	TTC1	85	1	8		90	KH-THAC	Russian
2	TẠ TRUNG DUNG	TTC1	84	1	12	50	94	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN CHANH	TTC1	83	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN LÊ	TTC1	86	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN TUÂN	TD3	27	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN CANH THẠC	TD3	24	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN HUU NHAN	TD3	23	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN HOÀNG NAM	TD3	34	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC DUNG	TD3	21-22	2	8	70	75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	TD3	19	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG VIỆT	TD3	20	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN VIỆT THANH LUAN	TD3	25	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
13	NGO DUY THANH	TD3	17	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN SƠN HAI	TD3	18	1	3		82	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN PHONG	TD3	26	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN LAM	TD3	31-32	2	14		65	CODIEN	Vietnamese
17	ĐẶNG SỰ	TD3	28-30	3	20		65	CODIEN	Vietnamese
18	PHAN THANH TAI	TD3	33	1	10		54	DVL	Vietnamese
19	VÔ HOÀNG TIEN	TD3	16	1	16		80	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ HUY	TD3	35-36	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC THANH	TD3	43-44	2	10		55	T-TIN	Vietnamese
22	NGUYỄN HUỆ	TD3	37-38	2	19		52	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL			REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	4	4	38	316	50	0		
2	TD3	18	25	164	1.191	70	22		
TOTAL		22	29	202	1.507	120	22		
WEIGHT KG				202	1.507	120			

GRAND TOAL: 1.829 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/06/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	TO: CTK3 - GTC1 - BK16	CREW: Nam - M.Đức - N.Nam	ETA: 11:50
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN XUAN PHUC	CTK3					65	SANBAY	Vietnamese
2	PHAM MINH TUAN	CTK3	61-62	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN ANH TUAN	CTK3	68	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC HIEU	CTK3					72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN ANH ĐỨC	CTK3	76	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM CONG UOC	CTK3	63-64	2	7		72	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM THANH HAI	CTK3	66-67	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN MANH HUNG	CTK3	72,75	2	6		68	KH-THAC	Vietnamese
9	TO TRONG TUAN	CTK3	65	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HIEU	CTK3	77	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
11	LE TRI HAO	GTC1	90	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUU TAN	GTC1	96	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HONG MINH	GTC1	93-94	2	10	20	86	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG TRẦN KHANH	GTC1	92	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	LE QUANG HA	GTC1	95	1	8		78	PSV	Vietnamese
16	LUU VAN SON	BK16	40	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN LIEU	BK16	41	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HIEU TRUNG	BK16	43	1	4	20	81	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM VAN HA	BK16	42	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI VAN MINH	BK16	44-45	2	12		59	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEN THANH DANH	BK16	46-47	2	10		54	CODIEN	Vietnamese
22	VU DINH CHIEN	BK16	39	1	10		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL			REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	10	12	57	737	0	8		1NB CTK3 VE GHE PHU
2	GTC1	5	6	41	376	20	5		
3	BK16	7	9	50	493	20	9		
TOTAL		22	27	148	1.606	40	22		
WEIGHT KG				148	1.606	40			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/06/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	TO: TD2 - RC5 - CLI	CREW: LTuấn - MMinh - PTUẤN	ETA: 14:00
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	TD2	04	1	11	115	79	DVL	Vietnamese
2	NHÂM ĐỨC TUẤN	TD2	400	1	15		70	DVL	Vietnamese
3	LÊ XUÂN TÙNG	RC5	61-62	2	20	60	82	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐO ĐÌNH VĂN	CLI	73	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
5	HOÀNG QUỐC VIỆT	CLI	02	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN THIÊN PHƯỚC	CLI	05	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN NHÂN	CLI	10	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN DŨNG	CLI	03-04	2	11		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH LONG	CLI	01	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG VĂN TUYẾN	CLI	07	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ NHẬT HÙNG CƯỜNG	CLI	74	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	CLI	09	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	CLI	100	1	6		96	KH-THAC	Vietnamese
14	LẠI TUẤN ANH	CLI	08	1	6		95	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN BAO ANH	CLI	06	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRẦN GIANG NAM	CLI	97	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	CLI	99	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
18	LƯƠNG HOÀNG ĐẠT	CLI	98	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT MINH HOÀNG	CLI	75	1	8		79	ANTOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC THƯỜNG	CLI					71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	2	2	26	149	115	0+4		CHUYỂN 4 PAX TD2 SANG RC5
2	RC5	1	2	20	82	60	0		
3	CLI	17	17	112	1.272	0	22		
TOTAL		20	21	158	1.503	175	22		
WEIGHT KG				158	1.503	175			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/06/2023	TO: BK6 - BK5 - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: TUYỀN - V.Linh - Q.Trường	ETA: 14:05
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG DUNG	BK6	65	1	6	30	69	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN THANH QUANG	PPD					76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN NHAN	PPD	32	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VAN DUONG	PPD					54	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH BINH	PPD	34	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TRUONG GIA TRI	PPD	03	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DANH TUAN	PPD	35	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN LAM	PPD	01	1	8		95	ANTOAN	Vietnamese
9	PHAN QUY DUNG	PPD	07	1	13		60	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN KHAC THEP	PPD	08-09	2	19		56	XAYLAP	Vietnamese
11	HO TRUNG HAI	PPD	06	1	12		62	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC QUAN	PPD	04-05	2	17		55	XAYLAP	Vietnamese
13	TA TRUNG HIEU	PPD	02	1	19		69	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN MANH HUNG	PPD	10	1	10	16	64	XAYLAP	Vietnamese
15	TRUONG VAN NGHIA	PPD	14-15	2	19		69	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN KIM HA	PPD	12-13	2	19		64	XAYLAP	Vietnamese
17	THAI KHAC DOAN	PPD	36-37	2	10		61	XAYLAP	Vietnamese
18	DAU DUC VO HUYNH	PPD	38	1	5		66	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	1	1	6	69	30	0+3	CHUYEN 3 PAX BK6-BK5	
2	BK5	0	0	0	0	30	0		
3	PPD	17	20	170	1.147	16	22		
TOTAL		18	21	176	1.216	76	22		
WEIGHT KG				176	1.216	76			

GRAND TOAL: 1.468 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/06/2023	TO: P8 - BK8 - CTK3	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:20
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Dương - Linh - DTùng	ETA: 14:10
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHUNG VAN KHANH	CTK3	58	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
2	TRUONG QUOC BAO	CTK3	46-47	2	7		57	KH-THAC	Vietnamese
3	LE DANG MINH DUC	CTK3	48-50	3	15		90	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO DINH THAM	CTK3	59	1	8		59	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRONG MAN	CTK3	52	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
6	VO MAU MEN	CTK3	42	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN TRUNG KIEN	CTK3					76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NHAN KHANH	CTK3	56	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TUAN ANH	CTK3	55	1	10		59	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN MINH DIEN	CTK3	51	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
11	LE TRUONG AN	CTK3	53	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI THANH HOAT	CTK3	45	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN DUC BAU	CTK3	54	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
14	VU TRONG NGHIA	CTK3	60	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
15	LE MANH HUNG	CTK3	57	1	10		78	ANTOAN	Vietnamese
16	QUAN VAN KHANH	CTK3	43-44	2	18		72	XAY LAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL			REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	0	0	0	0	0	1	+4	CHUYEN 4 PAX P8-BK8
2	BK8	0	0	0	0	15	0		
3	CTK3	16	19	131	1.109	0	21		
TOTAL		16	19	131	1.109	15	22		
WEIGHT KG				131	1.109	15			

GRAND TOAL: 1.255 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



